TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 87/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16/6/2020
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Phương

2. Bà Cái Diệu Trang

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Anh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:*** Ông Đinh Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Lộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020, về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện N, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trương Quang S, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 14/02/2020 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trương Quang S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 21/01/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nên thường xuyên gây gỗ, cãi vã, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình 2 bên hòa giải nhưng không khắc phục được. Hai người sống ly thân từ tháng 5/2017 cho đến nay, không quan tâm, chăm sóc cho nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trương Quang Sang.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị H trình bày vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, chị Huệ đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản sao trích lục kết hôn, bản sao sổ hộ khẩu gia đình, bản sao chứng minh nhân dân chị Nguyễn Thị H, xác nhận nơi đăng ký hộ khẩu của bị đơn anh Trương Quang S.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Trương Quang S gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Mặc dù đã nhận được các văn bản nói trên nhưng anh S đều vắng mặt tại các phiên hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản xác minh ngày 08/5/2020, bà Hồ Thị L (mẹ ruột của anh Trương Quang S) xác nhận đã nhận được tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án và đã giao lại cho anh S nhưng vì bận công việc anh S không đến Tòa án được, đồng thời khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H, anh S là có thật, anh S cũng có nguyện vọng ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 28/5/2020, anh S vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa, ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 16/6/2020 và tống đạt quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập cho anh S nhưng anh S tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn nhiều lần vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo Điều 175, Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn là hợp lệ nhưng bị đơn cố tình vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, và hòa giải, hai lần vắng mặt tại phiên tòa. Bởi vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trương Quang S đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 21/01/2014. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh S là hợp pháp. Xét về quá trình hôn nhân giữa chị H, anh S, thấy rằng: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cải vả, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình 2 bên hòa giải nhiều lần nhưng không khắc phục được. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2017 cho đến nay, không quan tâm, chăm sóc cho nhau; cuộc sống của ai người đó tự lo liệu. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã nhiều lần thông báo mở phiên hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Bởi vậy, đã có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H, anh S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H trình bày vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trương Quang S.

2. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, tuyên xử:

Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/009474, ngày 20/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lộc. Chị Huệ đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T.T-Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- Đương sự;
- UBND xã L, huyện P; tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Sang